

NGHỆ THUẬT ĐIÊU KHẮC CỔ VIỆT NAM



Trong cái di sản mỹ thuật quý báu của dân tộc Việt Nam từ những thế kỷ xưa còn truyền lại, có một phần quan trọng và khá phong phú, ấy là phần của nghệ thuật điêu khắc.

Những tài liệu, một phần gồm những hiện vật đã được sưu tầm và trưng bày tại Viện Bảo tàng lịch sử hoặc ở một số bảo tàng địa phương, một phần khác là những tài liệu gắn liền với các di tích kiến trúc cổ nằm rải rác ở nhiều nơi trong nước, đặc biệt là ở một số lăng mộ, chùa và đình. Số lượng nói chung không lớn lắm, một số hiện vật lại không còn được toàn vẹn, vì đại bộ phận các sáng tác là làm bằng các chất liệu kém chịu đựng sự thử thách của thời gian, như gạch vôi, đất nung và nhiều hơn cả là gỗ, những tác phẩm bằng đồng hay bằng đá rắn chỉ gồm một số ít. Đồng, đá, có kiên cố hơn, nhưng nhiều công trình làm bằng chất liệu này, nhất là đá, hầu hết là dựng ở ngoài trời cho nên cũng đã không tránh khỏi ít nhiều bị xói mòn vì lâu đời dầu dãi gió mưa.

Cái khí hậu đặc biệt ẩm thấp và nồng nực của một nước nằm hoàn toàn giữa miền nhiệt đới, nếu như là thích hợp cho sự sinh sôi nảy nở dồi dào của sinh vật và thảo mộc, nếu như đã khiến cho ở đây, thật là “cỏ cây chen đá, lá chen hoa” bốn mùa xum xuê, xanh tốt, tạo cho khung cảnh của con người sống trên dải đất có cấu tạo đa dạng này những sắc thái nhiều vẻ kỳ ảo, thì đồng thời nó cũng lại tác hại không ít đến sức khỏe con người và những công trình mà óc sáng tạo và bàn tay khéo léo của họ đã làm ra. Hạn hán, mưa, lũ, bão, lụt v.v... xảy ra hằng năm. Lịch sử còn ghi những trận lũ lớn đã cuốn đi cả nhiều làng mạc, những trận bão,

trận sét đánh đã thiêu hủy cả nhiều cung điện v.v... mà con người phải đương đầu khắc phục để mà sinh tồn. Chưa đủ. Hoàn cảnh lại còn muốn họ phải chống chọi với tình trạng dịch họa đã diễn ra nhiều lần trên đất nước trong suốt quá trình lịch sử lâu dài. Những cuộc xâm lăng của phong kiến phương Bắc, của đế quốc phương Tây v.v... đã gây ra không biết bao nhiêu tổn thất. Kinh thành Thăng Long (Hà Nội ngày nay) đã bao phen bị tàn phá hết bởi quân Nguyên (thế kỷ XIII) quân Chiêm Thành (thế kỷ XIV) đến quân Minh (thế kỷ XV), quân Mãn Thanh (thế kỷ XVIII) và cuối cùng là quân Pháp (thế kỷ XIX). Đâu phải hết! Những cuộc tranh giành ngai vàng giữa những tập đoàn phong kiến thống trị trong nước, những cuộc đổi thay triều đại trong đó một số vua chúa triều đại mới lên thường đốt phá cung miếu hòng tiêu diệt ảnh hưởng của triều đại trước.

Đi đôi với thiên tai, những nạn ngoại xâm những cuộc nội chiến đã nối tiếp nhau hủy hoại thêm bao nhiêu công trình nghệ thuật mà ngày nay ta phải ngẩn ngơ tiếc, giận, khi nghe kể lại hoặc khi nhìn lại một ít mảnh vụn, dấu vết của bao nhiêu sáng tạo huy hoàng đã tan lẫn trong cát bụi.

Phật Quỳnh Lâm, một trong bốn kỳ quan còn truyền tụng từ thế kỷ XI, XIII, cao 6 trượng (24 mét) theo như văn ghi ở trong tấm bia duy nhất còn sót lại nơ mà ngày nay cả ngôi chùa lẫn pho tượng chỉ còn là gạch đá vụn.

(Bốn kỳ quan còn truyền tụng từ thế kỷ XIII Phật Quỳnh Lâm (chùa cùng tên, Quảng Yên), tháp Bảo Thiên (Thăng Long), vạc Phổ Minh (Nam Định) và chuông Quỳ Điền (chùa Một cột).

Chùa Giạm (Bắc Ninh), cũng một công trình nổi danh của nghệ thuật Phật giáo buổi thịnh thời (thế kỷ XI) mà những cuộc phát hiện gần đây đã tìm ra những cặp nền xẻ vào sườn núi với bực thềm giữa dài 16 mét. Thành nhà Hồ (thế kỷ XIV) (Thanh Hóa) mà những tường lũy còn lại, toàn đá xanh, có phiến dài đến 7 mét, cao 1,50 mét với bốn công cuốn tò vò bằng đá hộp lắp dựng với một kỹ thuật rất chính xác, với đôi rồng đá tạc với một nghệ thuật sinh động, lực lưỡng v.v... Những chứng tích ấy đã nói lên hùng hồn quy mô khá đồ sộ của những công trình đẹp đẽ mà ngày nay chỉ còn “vang bóng một thời”. Gần chúng ta hơn, cách đây mới mười lăm năm, trong cuộc kháng chiến thần kỳ của nhân dân ta chống thực dân Pháp, quân đội đế quốc đã man đã một lần nữa lại phá hủy thêm một số di tích nghệ thuật danh tiếng.

Chùa Đọi (Long Đọi Sơn, Hà Nam) với những di vật từ thời Lý, chùa Yên Phụ, chùa Bách Mông (Bắc Ninh), cảnh trí u nhã, chùa Đậu (Hà Đông) với nhiều điêu khắc gỗ sơn (thế kỷ XVII, XVIII) bị đốt gần hết. Đền Đô cổ kính (Bắc Ninh) nơi thờ tám vua nhà Lý với những chạm khắc lộng lẫy, những cỗ kiệu quý giá, có cỗ làm từ thế kỷ XIII, tới nay chỉ còn là một nền đất hoang với vài gốc cổ thụ còn vết đen thui của khói lửa, bom đạn.

Tải qua bao nhiêu thiên tai địch họa, cái vốn vô cùng quý báu ấy của nghệ thuật xưa, do bao nhiêu xương máu, mồ hôi, nước mắt của cha ông ta mới tạo nên, cho đến ngày nay còn lại một phần không lớn lắm.

Một hình ảnh phổ biến và đặc biệt quen thuộc đã từ mấy thế kỷ nay đối với đời sống và tình cảm của mỗi người Việt Nam, nhất là nông dân, một hình ảnh mà ngày nay người du khách đến thăm đồng nội Việt Nam còn thường gặp ở hầu khắp các làng mạc nhất là từ Thanh Nghệ Tĩnh trở ra, đó là hình ảnh ngôi đình. Lối kiến trúc này xuất hiện đầu tiên ở thời nào? Đây còn là vấn đề phải nghiên cứu. Có ý kiến cho rằng, có thể là từ đời Trần (thế kỷ XIII), một đôi truyền thuyết về sự tích đình lại ghi một thời đại xưa hơn nữa. Nhưng, căn cứ vào những mô-típ trang trí ở một số đình đẹp và xưa hơn cả thì chưa thấy có một mô-típ nào xa hơn thế kỷ XVII. Dẫu sao thì với phong cách kiến trúc độc đáo mà lại phổ cập đến cả các làng, hơn nữa, với những hiện vật súc tích về điêu khắc của nó thì ngôi đình vẫn là một kho tư liệu rất hay cho việc nghiên cứu về nền nghệ thuật tạo hình xưa. Cái kiểu kiến trúc vừa là nơi thờ thành hoàng, vừa là nơi họp bàn việc làng, vừa là nơi tập họp dân chúng những ngày tết, đám hội hè này, có thể nói là một mẫu điển hình về nghệ thuật kiến trúc gỗ, mà cách kết cấu đã phổ cập trong cả nước. Đồng thời cũng là biểu hiện điển hình của quan niệm xây dựng của người nghệ sĩ vô danh thời xưa, những người mà một kiến trúc sư Việt Nam, ông Ngô Huy Quỳnh đã gọi là “Bậc thầy của khoa kiến trúc đô thị dân tộc” (maitres de l’urbanisme national). Về một vài đặc sắc của kiến trúc Việt Nam, nhà kiến trúc trẻ tuổi ấy đã viết: “... Những khối kiến trúc dựng lên, dù nhỏ đến đâu, cũng đều được bố trí nhịp nhàng với thiên nhiên xung quanh. Người ta có thể nghĩ rằng, sức sáng tạo thiên tài của người nghệ nhân dân tộc xưa là ở chỗ chỉ cần đặt một công trình kiến trúc khiêm tốn về hình khối vào một khung cảnh thiên nhiên có uốn nắn đôi chút là đã tạo ra

cả một tác phẩm kiến trúc to lớn vượt ra ngoài khuôn khổ bản thân của công trình...”.

Quả đúng như vậy. Nếu bạn ngắm một công trình kiến trúc xưa mà điển hình là ngôi đình xưa, hoặc xây dựng lung vào một sườn đồi bầy trên một bãi phẳng bên chân một núi đá, hoặc soi bóng bên một mảng nước hồ rung rinh hoa súng, hoặc dựa vào một khúc đê với những bờ tre, thân cây dẻo, dáng uốn như cần câu đu đưa theo gió, hoặc giữa những hàng cau thân khoanh những đốt ngắn, mảnh dẻ, thẳng tắp, vút lên và tỏa trong không gian những tàu là rất trang trí, hoặc nữa, bên một góc gạo xù xì thân như rắc bạc, cảnh khúc khuỷu như những nét bút già dạn hất lên cao với những đài hoa đỏ như son quyện mây xám hồng đầu hạ (một mô-típ phong cảnh bố cục sẵn cho tranh sơn mài) hoặc nữa, nhất là bên một góc đa với những cành to lớn quấn quại vườn sà giữa tầng tầng lớp lớp là xum xuê, với những rễ buông, rễ leo quấn quýt, to cứ tây ôm ấy, chắc chắn bạn sẽ có cái cảm giác kỳ ảo, dễ chịu trước sự hài hòa thỏa sướng, đầy thi vị đậm đà giữa các cấu tạo thiên nhiên và cái cấu tạo của bàn tay con người ấy, cái hài hòa tạo bằng sự phối hợp rất đắt những tương phản giữa mảng ngang và nét thẳng đứng. Mảng ngang của tòa mái ngói rộng rãi, khỏe, với bốn góc đao uốn lên như bay giữa những mảng cũng ngang và lốm đốm ánh sáng của vàng lá đậm. Đối lập là những nét thẳng của hàng cột mập mập nhịp với những rễ phụ rễ buông như rủ như neo những thân cây xuống mặt đất có nở những đóa sen đá tảng đỡ lấy những chân cột...

Nếu như giữa kiến trúc và thiên nhiên xung quanh, người nghệ sĩ xưa đã tạo nên một sự nhịp nhàng ăn khớp đôi khi đột ngột kỳ thú, thì giữa hai ngành nghệ thuật điêu khắc và kiến trúc, sự hài hòa ăn khớp xem ra lại càng khăng khít hơn nữa. ở nước Việt Nam xưa, những kiến trúc như cung điện vua chúa, lăng tẩm, đền thờ danh tướng, danh nhân, chùa và đình đều là những nơi tập trung nhiều nhất các công trình mỹ thuật nói chung, các công trình điêu khắc nói riêng. Mà điển hình và phổ cập hơn cả về sự gắn bó giữa điêu khắc và kiến trúc thì lại phải nói đến ngôi đình. ở đây cũng như ở mọi tổng thể kiến trúc khác, hầu như không có một mô-típ điêu khắc nào mà lại không có một vị trí, không gắn chặt vào một toàn thể của công trình. Nhiều khi sự gắn bó thành hữu cơ đến nỗi khó mà nói được rằng khi nào thì kiến trúc chấm dứt để điêu khắc, trang trí bắt đầu.

Tòa mái cong lợp ngói với độ dốc mạnh rất hợp với khí hậu nóng và nhiều mưa bão; cái mái to choán đến gần hai phần ba chiều cao của tòa nhà, nhưng không gây cảm giác nặng nề do những đường uốn lượn uyển chuyển của bờ nóc, của đao đình, nhịp với nó là những tàu mái, những tấm gỗ đặt chéch, dó và viền theo bờ ria mái, hai đầu tàu mái to bản dần ra và cuộn lên như hai nét mác, làm cho mái có độ dày mềm mại, xúng với toàn khối, chỗ giao nhau của hai đầu tàu mái ở góc mái được khóa vào nhau tài tình, hợp lý, biến chỗ vào mộng thành chiếc lá lật cách điệu uốn mình ra công lấy đao mái và tạo một chỗ dựa vững chắc cho đường réo của mái uốn vút lên như bay. Cách giải quyết đồng thời lại tạo cho góc đình một bố cục độc đáo, dẫn mắt người xem từ cột góc đình mà đưa lên không